

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH

Số: 2291 /BHXH-GĐBHYT
V/v thông báo kết quả giám định chi phí
KCB BHYT quý 3 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh

Căn cứ Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy trình giám định bảo hiểm y tế.

Căn cứ biên bản thống nhất kết quả giám định chi phí Khám chữa bệnh bảo hiểm y tế quý III/2024 giữa nhóm giám định 4 và Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh

Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Tĩnh thông báo kết quả giám định chi phí Khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trong quý 3/2024 tại Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh như sau:

I. Chi phí Bệnh viện đề nghị thanh toán trong quý.

TT	Loại KCB	Số hồ sơ đề nghị	Chi phí đề nghị BHTT
1	Nội trú	670	3.519.340.404
2	Ngoại trú	1061	379.887.983
	Tổng	1731	3.899.228.387

II. Chi phí từ chối thanh toán.

Chi phí từ chối thanh toán quý 3/2024 là: 46.732.392 đồng (số tiền này không bao gồm chi phí bệnh nhân cùng chi trả), trong đó:

- Chi phí từ chối hồ sơ trong quý 3/2024 (mục A mẫu C80-HD): 37.660.607 đ

- Chi phí từ chối hồ sơ trong quý 3/2024 (mục E1 mẫu C80-HD): 9.071.784 đồng. (Chi phí từ chối hồ sơ không hợp lý thực hiện điều chỉnh giảm trừ trong quý 3/2024).

III. Chi phí tổng hợp vào quyết toán.

Chi phí tổng hợp vào quyết toán tổng hợp trên biểu C80-HD quý 3/2024 là: 3.852.495.996 đồng.

IV. Kiến nghị đề xuất.

Quý 3/2024, chi phí bình quân một đợt điều trị nội trú tại Bệnh viện: 5.740.288 đồng/ lượt tăng: 238.704 đồng/ lượt so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ lệ bệnh nhân vào điều trị nội trú là: 38.7 % (Bình quân chung các bệnh viện Phổi hạng II trên toàn quốc là: 28.37%).

Đề nghị Bệnh viện:

- Điều chỉnh chi phí bình quân một đợt điều trị nội trú hợp lý, không cao hơn so với cùng kỳ năm 2023; điều chỉnh tỷ lệ bệnh nhân vào điều trị nội trú tương đương với bình quân chung của các bệnh viện chuyên khoa phổi hạng II trên toàn quốc.

- Cung ứng đầy đủ thuốc, VTYT nhằm đảm bảo quyền lợi cho bệnh nhân đến KCB BHYT.

BHXXH tỉnh Hà Tĩnh thông báo đề Bệnh viện biết và phối hợp thực hiện (gửi kèm theo bảng Tổng hợp chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế quý 3 năm 2024 - mẫu C80-HD)./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- PGĐ Nguyễn Xuân Quỳnh;
- Lưu: VT, GĐBHYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Quỳnh

TỔNG HỢP CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ QUÝ III NĂM 2024

Tại cơ sở KCB: Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh Mã số 42310.

Đơn vị tính: đồng

A – HỒ SƠ KHÔNG CHỌN MẪU

A - HỒ SƠ KHÔNG CHỌN MẪU																				TRONG PHẠM VI BHYT										Chi phí ngoài phạm vi BHYT	
STT	Chi tiêu	Số lượt	Số ngày	Tổng cộng	Nhóm chi phí						Nguồn Quỹ BHYT			Người bệnh		Nguồn khác			Từ chối thanh toán		BHYT										
					Thuốc/hóa chất	VTYT	Máu, chế phẩm máu	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Vận chuyển	Tại tỉnh	Tại Trung ương	Nghỉ định 70	Cung chi trả	Tự trả	Sách địa phương	Hỗ trợ, tài trợ	Số lượt	Số tiền													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18												
A1	KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ	1,061	0	411,696,012	226,311,012	0	0	185,385,000	0	379,887,984	0	0	31,808,028	0	0	0	0	0	0												
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	1,056	0	408,965,532	224,450,132	0	0	184,515,400	0	377,157,504	0	0	31,808,028	0	0	0	0	0	0												
1	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
2	Nội tỉnh đến	1,016	0	394,212,212	217,363,512	0	0	176,848,700	0	364,230,592	0	0	29,981,620	0	0	0	0	0	0												
3	Ngoại tỉnh đến	40	0	14,753,320	7,086,620	0	0	7,666,700	0	12,926,912	0	0	1,826,408	0	0	0	0	0	0												
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	5	0	2,730,480	1,860,880	0	0	869,600	0	2,730,480	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
1	CY nội tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
2	CY ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
3	QN	5	0	2,730,480	1,860,880	0	0	869,600	0	2,730,480	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
A2	ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	670	10,704	3,805,045,181	895,747,142	29,357,587	3,540,000	2,876,400,452	0	3,481,679,797	0	0	323,365,384	0	0	0	0	37,660,607	0												
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	664	10,604	3,773,900,512	889,047,131	29,149,729	3,540,000	2,852,163,652	0	3,450,535,128	0	0	323,365,384	0	0	0	0	37,494,407	0												
1	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
2	Nội tỉnh đến	626	9,966	3,577,827,156	852,035,754	28,071,150	3,540,000	2,694,180,252	0	3,291,220,795	0	0	286,606,360	0	0	0	0	37,006,887	0												
2	Ngoại tỉnh đến	38	638	196,073,356	37,011,377	1,078,579	0	157,983,400	0	159,314,333	0	0	36,759,023	0	0	0	0	487,520	0												
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	6	100	31,144,669	6,700,011	207,858	0	24,236,800	0	31,144,669	0	0	0	0	0	0	0	166,200	0												
1	CY nội tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
2	CY ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												

3	QN	4	78	25.708.906	5.983.848	207.88X	0	19.107.200	0	25.208.906	0	0	0	0	0	0	110.800	0
4	CA	1	22	5.845.763	716.163	0	0	5.129.600	0	5.845.763	0	0	0	0	0	0	55.400	0
	Tổng cộng	1.731	10.704	4.216.741.193	1.122.058.154	29.357.587	3.540.000	3.061.785.452	0	3.861.567.781	0	0	355.173.412	0	0	0	37.660.607	0

B - HỒ SƠ TRONG MẪU DÃ ĐƯỢC GIẢM ĐỊNH TRỰC TIẾP

TRONG PHẠM VI BHYT																				Chi phí ngoài phạm vi BHYT	
STT	Chi tiêu	Số lượt	Số ngày	Tổng cộng	Nhóm chi phí					Nguồn Quỹ BHYT			Người bệnh		Nguồn khác		Tư chất thành toán		18		
					Thuốc/hóa chất	VTYT	Mẫu, chế phẩm màu	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Vận chuyển	Tài tỉnh	Tài Trung ương	Nghị định 70	Cung chi trả	Tư trả	Ngân sách địa phương	Hỗ trợ, tài trợ	Số lượt	Số tiền			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
B1	KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	ĐÔI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Nội tình đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Ngoại tình đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
II	ĐÔI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	CY nội tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	CY ngoại tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	QN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
B2	ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
I	ĐÔI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Nội tình đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Ngoại tình đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
II	ĐÔI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	CY nội tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	CY ngoại tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	QN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Tổng cộng				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

C - HỒ SƠ NGOÀI MẪU CHƯA ĐƯỢC GIÁM ĐỊNH TRỰC TIẾP

TRONG PHẠM VI BHYT																							Chi phí ngoài phạm vi BHYT
STT	Chi tiêu	Số lượt	Số ngày	Tổng cộng	Theo loại hình chi phí						Quý BHYT trả			Người bệnh		Nguồn khác			Từ chối thanh toán				
					Thuốc/hóa chất	VTYT	Máu, chế phẩm máu	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Vận chuyển	Tại tỉnh	Tại Trung ương	Nghỉ dưỡng 70	Cung chi trả	Tư trả địa phương	Hỗ trợ tài trợ	Số lượt	Số tiền						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				
C1	KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Đăng ký ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	Nội tỉnh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	Ngoại tỉnh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	CY nội tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	CY ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	QN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
C2	ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Đăng ký ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	Nội tỉnh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	Ngoại tỉnh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	CY nội tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	CY ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	QN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

D. SỐ CHI TRONG QUÝ TỔNG HỢP VÀO QUÝẾT TOÁN

STT		Chi tiêu	Quyết toán trong quý								(Thưa thông nhất quyết toán trong quý							
			Số lượt	Số tiền (quý BHYT)							Số lượt	Số tiền (quý BHYT)						
				Công	Thuộc/hoa chi	Thuộc thanh toán từ nguồn tập trung	VTYT	Màu, chế phẩm màu	Dịch vụ khám, chữa bệnh	Vận chuyển		Công	Thuộc/hoa chi	Thuộc thanh toán từ nguồn tập trung	VTYT	Màu, chế phẩm màu	Dịch vụ khám, chữa bệnh	Vận chuyển
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
D1	KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ	1.061	379.887,984	208.376,274	0	0	0	171.411,710	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	1.056	377.157,504	206.615,394	0	0	0	170.542,110	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Nội tình đến	1.016	364.230,592	200.534,362	0	0	0	163.696,230	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Ngoại tình đến	40	12.926,912	6.081,032	0	0	0	6.845,880	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	5	2.730,480	1.860,880	0	0	0	869,600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	CY nội tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	CY ngoại tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	QN	5	2.730,480	1.860,880	0	0	0	869,600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
D2	ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	670	3.481,679,797	828,253,500	0	27,128,116	3,186,000	2,623,112,181	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	664	3.450,535,128	821,553,489	0	26,920,258	3,186,000	2,598,875,381	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Nội tình đến	626	3,291,220,795	791,091,662	0	26,004,752	3,186,000	2,470,938,381	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Ngoại tình đến	38	159,314,333	30,461,827	0	915,506	0	127,937,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	6	31,144,669	6,700,011	0	207,858	0	24,236,800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	CY nội tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	CY ngoại tình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	QN	5	25,298,906	5,983,848	0	207,858	0	19,107,200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	CA	1	5,845,763	716,163	0	0	0	5,129,600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng	1,731	3,861,567,781	1,036,729,773	0	27,128,116	3,186,000	2,794,523,891	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

ổng số tiền (viết bằng chữ): ba tỷ tám trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi một đồng

Tổng số tiền (viết bằng chữ): ba tỷ tám trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi một đồng

E. ĐIỀU CHỈNH SỐ CHI KCB QUÝ TRƯỚC E1. Điều chỉnh số quyết toán quý trước

STT	Chi tiêu	Giảm số quyết toán quý trước										Tăng số quyết toán quý trước					
		Số tiền (quý BHYT)										Số tiền (quý BHYT)					
		Số lượt	Công	Thuốc/hoa chất	Thuốc thanh toán từ nguồn tập trung	VTYT	Máu, chế phẩm máu	Dịch vụ khám, chữa bệnh	Vấn chuyển	Số lượt	Công	Thuốc/hoa chất	Thuốc thanh toán từ nguồn	VTYT	Máu, chế phẩm máu	Dịch vụ khám, chữa bệnh	Vấn chuyển
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
E1.1	KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ	0	990,940	0	0	0	0	990,940	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	990,940	0	0	0	0	990,940	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nội tính đến	0	990,940	0	0	0	0	990,940	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Ngoại tính đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CY nội tính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	CY ngoại tính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	QN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
E1.2	ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	0	8,080,845	1,106,385	0	0	0	6,974,460	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	8,025,445	1,106,385	0	0	0	6,919,060	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đang kỳ ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nội tính đến	0	7,916,005	1,106,385	0	0	0	6,809,620	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Ngoại tính đến	0	109,440	0	0	0	0	109,440	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	55,400	0	0	0	0	55,400	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CY nội tính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	CY ngoại tính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	QN	0	55,400	0	0	0	0	55,400	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	9,071,785	1,106,385	0	0	0	7,965,400	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Âm chín triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng

E2. Điều chỉnh số chưa thống nhất quý trước

STT	Chi tiêu	Số chưa thông nhất quý trước được quyết toán quý này										Số chưa thông nhất quý trước chưa quyết toán					
		Số lượt	Số tiền (quý BHYT)						Số lượt	Số tiền (quý BHYT)							
			Công	Thuốc hóa chất	Thuốc thanh toán từ nguồn tập trung	VTYT	Màu, chế phẩm màu	Dịch vụ khám, chữa bệnh		Vận chuyển	Công	Thuốc/ hóa chất	Thuốc/ thanh toán từ nguồn tập trung	Màu, chế phẩm màu	Dịch vụ khám, chữa bệnh	Vận chuyển	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
E2.1	KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	ĐÔI TƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đăng ký ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nội tinh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Ngoại tinh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	ĐÔI TƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CY nội tinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	CY ngoại tinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	QN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
E2.2	ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	ĐÔI TƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 146	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đăng ký ban đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nội tinh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Ngoại tinh đến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	ĐÔI TƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CY nội tinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	CY ngoại tinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	QN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	CA	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết

TP. GIÁM ĐỊNH BHYT
(Ký, họ tên)

Wong

Page 6
Võ Viết Quang

Ngày 09 Tháng 12 năm 2024

TP. GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Quỳnh

Nguyễn Xuân Quỳnh